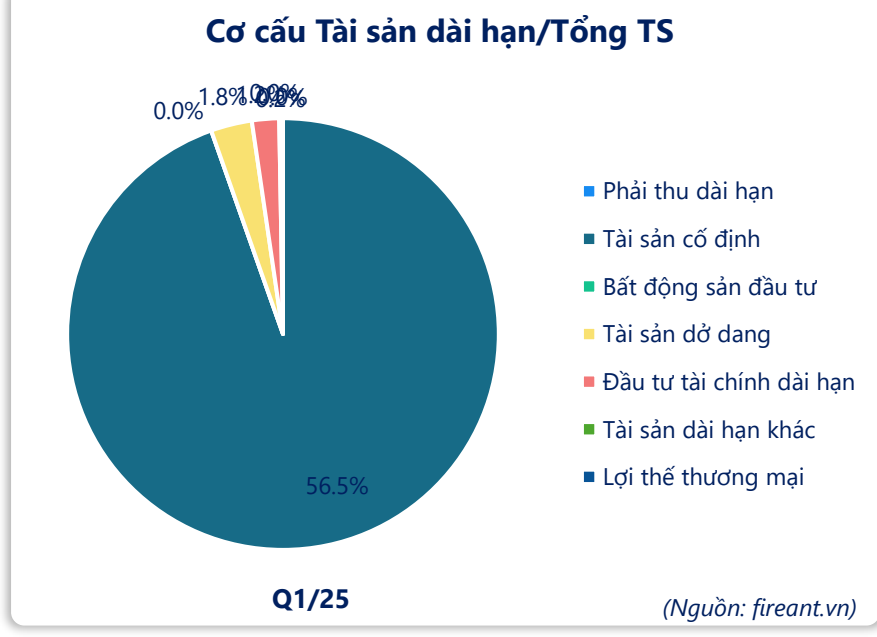
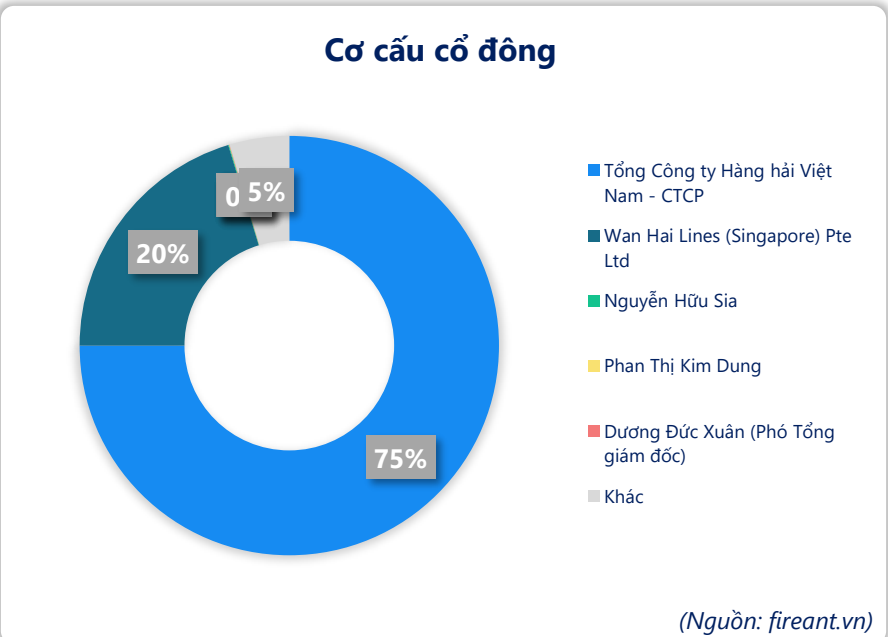
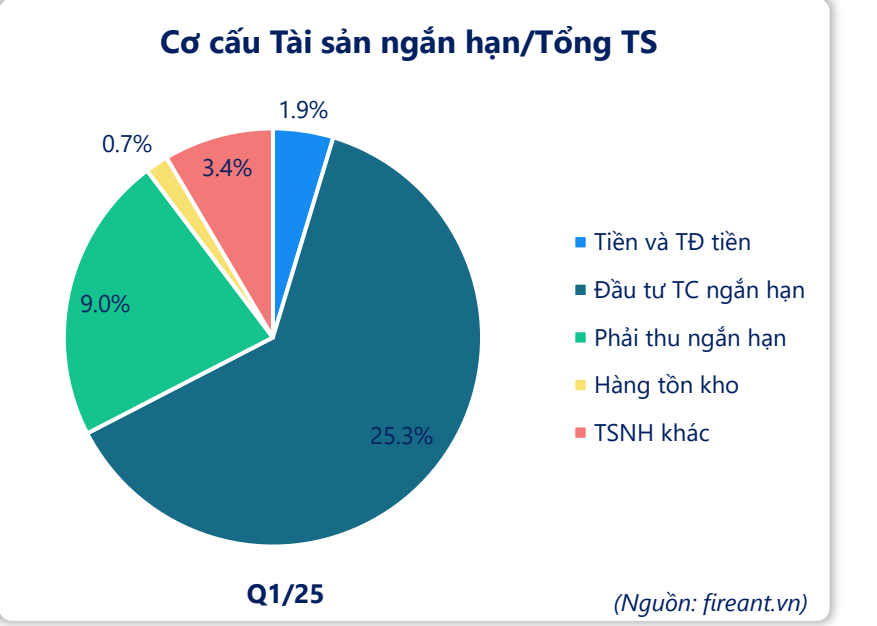
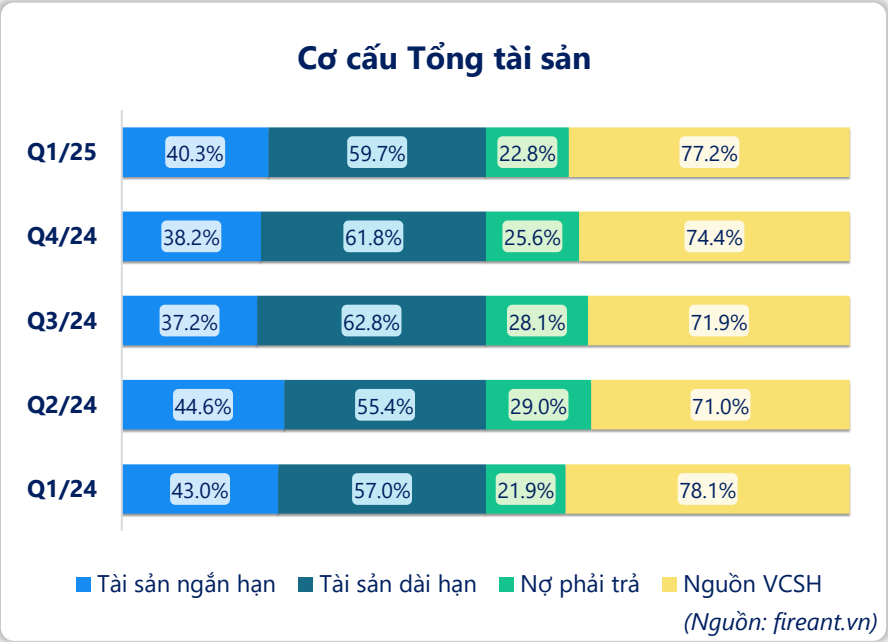
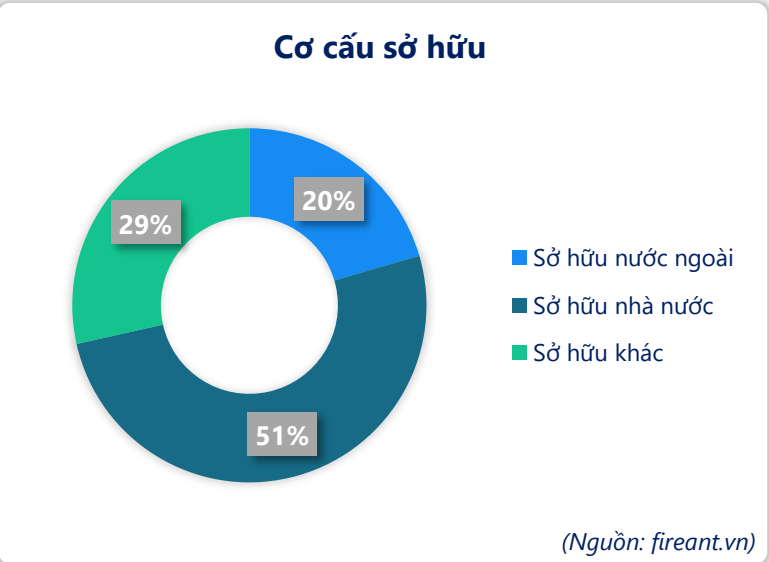
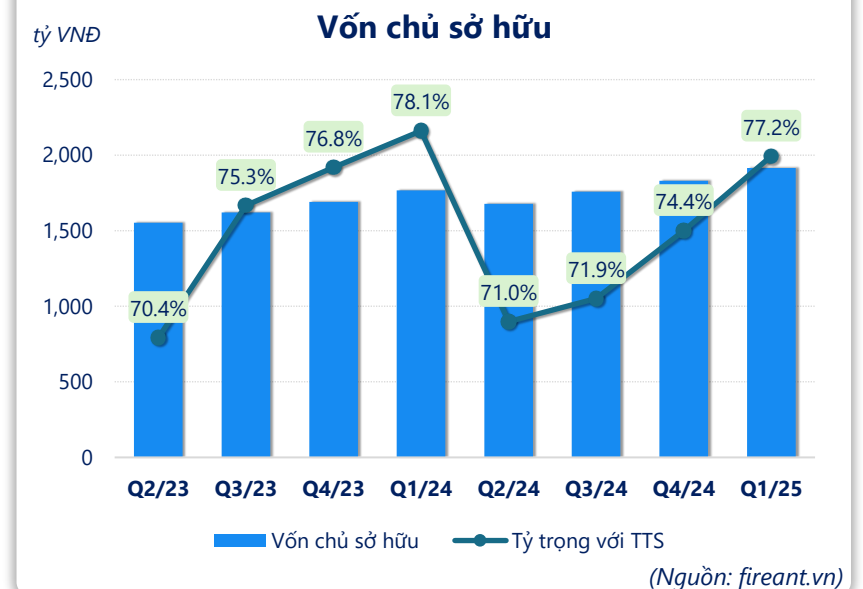
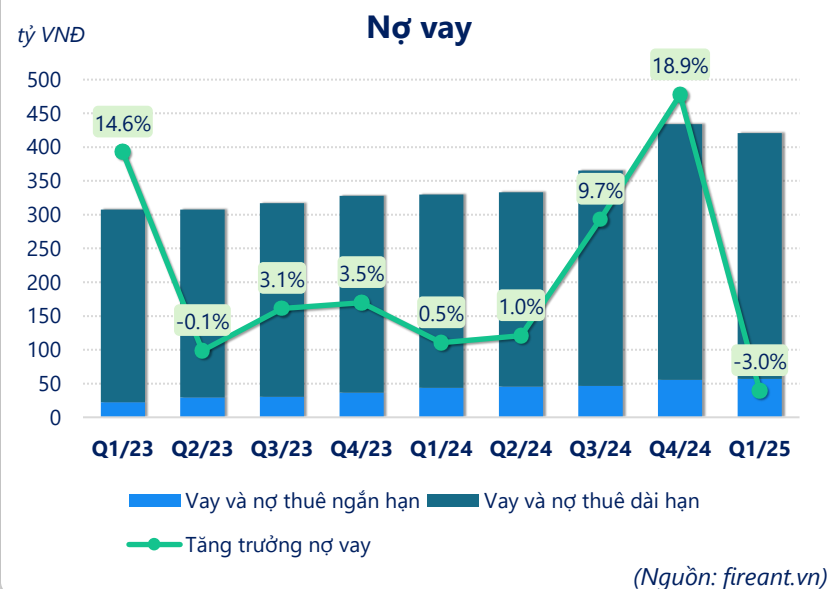
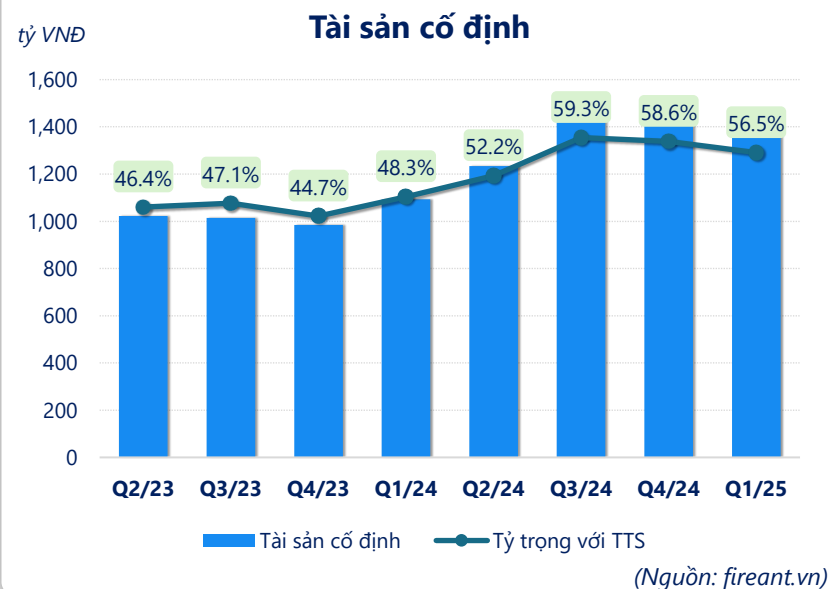
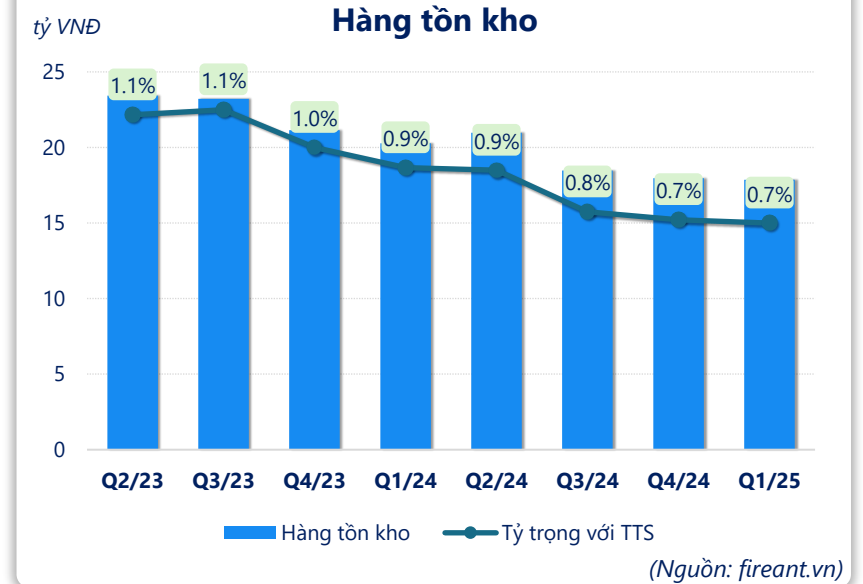
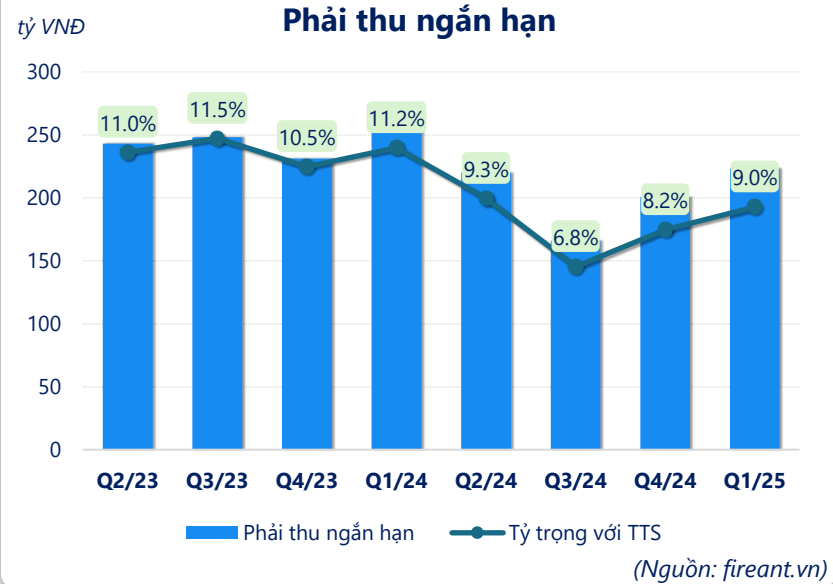
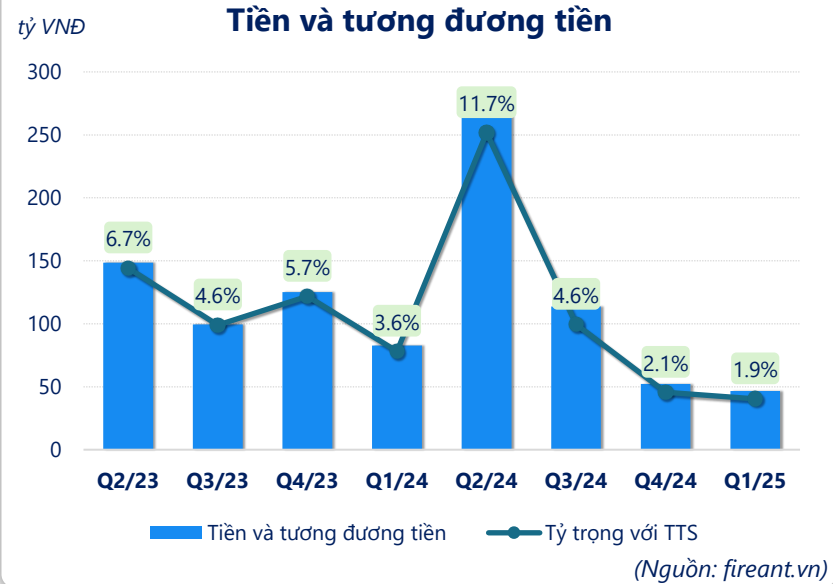
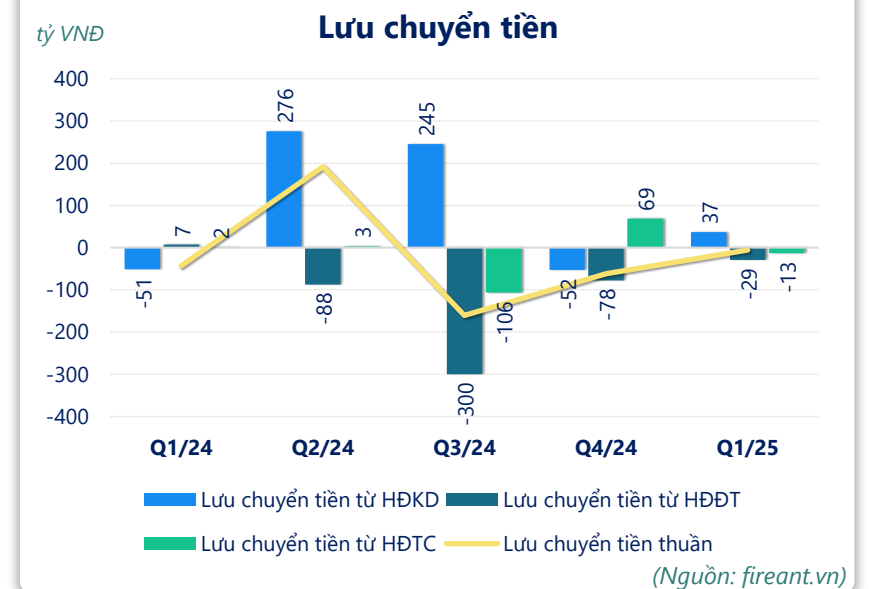
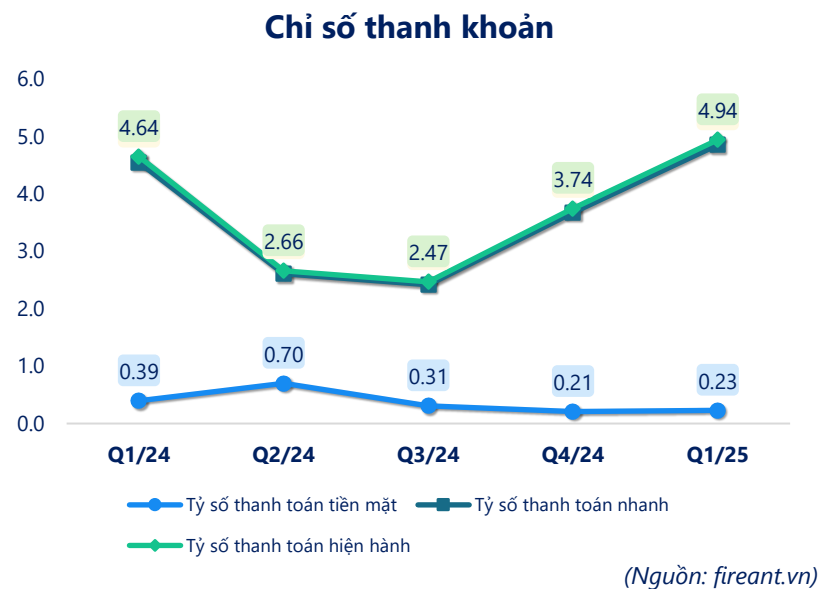
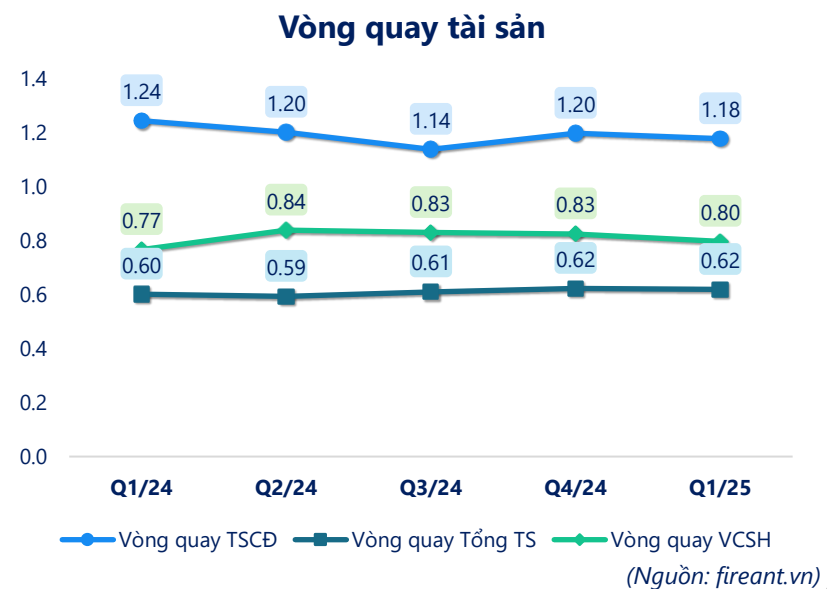
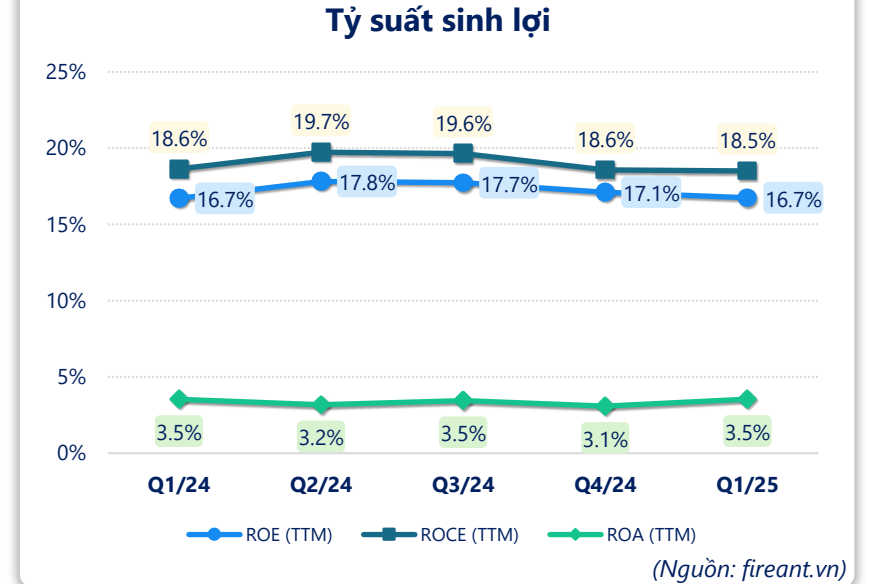
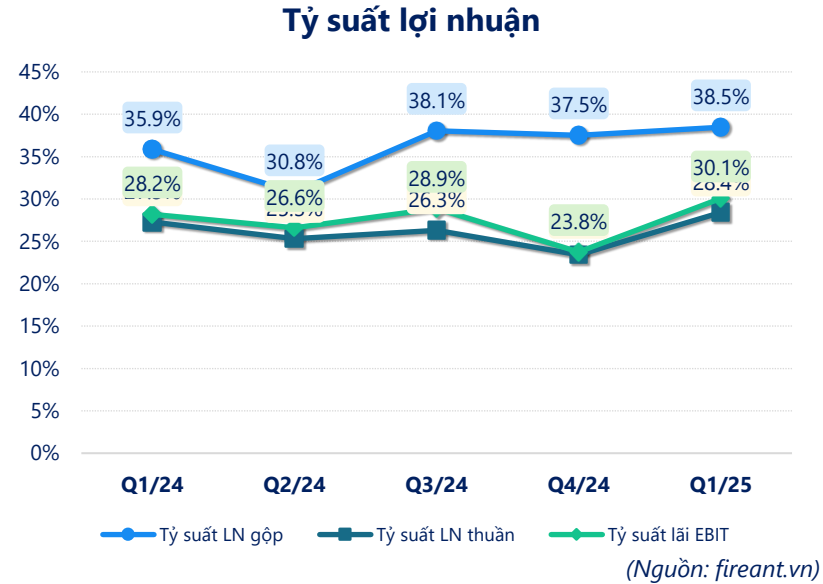
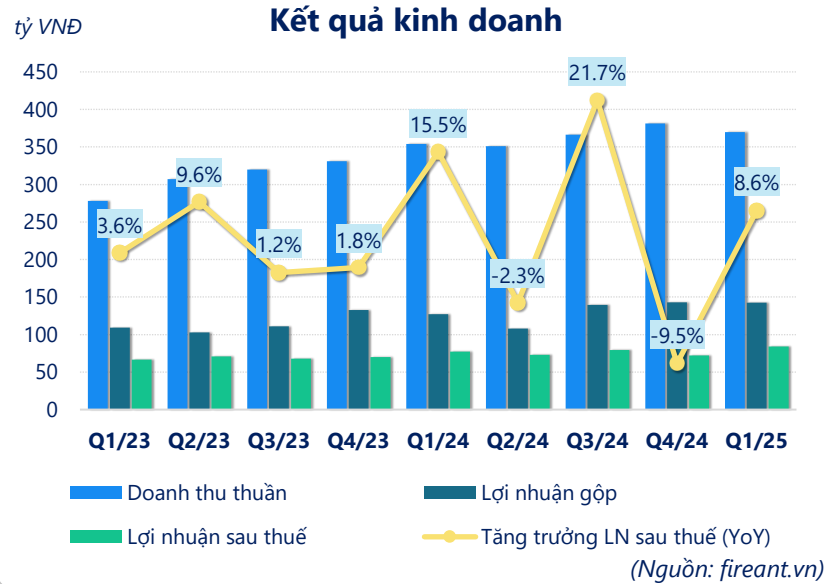


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		35,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		25,191
SL cổ phiếu LH		99,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		11,220
% sở hữu nước ngoài		20.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,515
P/E		11.4
EPS		3,115

	YTD	1T	3T	6T
CDN	4.4%	-4.1%	4.7%	21.2%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,481	2,460	0.9%
Tài sản ngắn hạn	1,001	940	6.4%
Tiền và tương đương tiền	46.7	52.3	-10.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	628	595	5.6%
Phải thu ngắn hạn	223	201	11.3%
Hàng tồn kho	17.9	18.0	-0.6%
Tài sản ngắn hạn khác	85.0	74.9	13.6%
Tài sản dài hạn	1,481	1,520	-2.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,401	1,440	-2.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	45.7	42.2	8.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	30.1	32.0	-5.9%
Tài sản dài hạn khác	4.17	5.18	-19.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	567	630	-10.0%
Nợ ngắn hạn	203	251	-19.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	57.0	55.5	2.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	40.7	60.7	-32.9%
Nợ dài hạn	364	379	-3.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	364	379	-3.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,915	1,830	4.6%
Vốn chủ sở hữu	1,915	1,830	4.6%
Vốn điều lệ	990	990	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	354	351	366	381	370
Giá vốn hàng bán	227	243	227	238	228
Lợi nhuận gộp	127	108	139	143	142
Doanh thu HĐTC	8.13	15.5	3.46	8.82	8.13
Chi phí TC	3.43	3.77	7.11	5.76	6.45
Chi phí lãi vay	3.38	4.47	5.60	0.68	6.12
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.03	3.02	3.63	11.6	2.92
Chi phí QLDN	34.1	28.0	35.8	45.2	35.9
LN thuần từ HĐKD	96.5	88.8	96.4	89.3	105
Lợi nhuận khác	-0.08	0.06	3.70	0.59	0.02
LN trước thuế	96.4	88.9	100	89.9	105
Lợi nhuận sau thuế	77.0	72.8	79.5	72.0	84.1
LNST của CĐ cty mẹ	77.0	72.8	79.5	72.0	84.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-51.4	276	245	-52.4	36.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.12	-87.6	-300	-78.0	-29.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.69	3.42	-106	68.9	-13.2
Tiền đầu kỳ	125	82.6	278	114	52.3
Lưu chuyển tiền thuần	-42.6	192	-161	-61.5	-5.82
Ảnh hưởng tỷ giá	0	3.31	-3.37	0.13	0.29
Tiền cuối kỳ	82.6	278	114	52.3	46.7

(Nguồn: fireant.vn)